

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ THANH PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /NQ - HĐND

Thanh Phong, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê chuẩn dự toán và phương án phân bổ
dự toán thu, chi ngân sách năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ THANH PHONG
KỲ HỌP THỨ XI NHIỆM KỲ 2021 -2026

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước , ngày 25/6/2015;

Theo đề nghị của UBND xã tại Tờ trình số: 890/TTr- UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024;

Trên cơ sở xem xét báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế- xã hội, HĐND xã và ý kiến của các đại biểu HĐND xã,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách xã theo các nội dung sau:

I. PHẦN THU NGÂN SÁCH.

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Nội dung	Thu NS xã hưởng	Ghi chú
*	TỔNG SỐ THU NGÂN SÁCH (I +II)	7.581.050	
I	Thu ngân sách trên địa bàn	149.320	
1	Phí lệ phí	14.400	
2	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	45.000	
3	Thu khác	2.000	
4	Thu cố định	23.000	
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6.320	
6	Thuế giá trị gia tăng	16.800	

7	Thuế thu nhập cá nhân	8.400	
8	Thuế môn bài	3.300	
9	Lệ phí trước bạ	30.100	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	7.431.730	
1	Thu trợ cấp ngân sách cấp trên	7.431.730	

Tổng thu ngân sách xã hưởng: 7.581.050.000 đồng;

Bằng chữ: Bảy tỷ, năm trăm tám mươi một triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng;

II. PHÂN CHI NSNN NĂM 2024

ĐVT: 1000 đồng			
TT	Nhiệm vụ chi	Mã NVC	Số tiền
I	Chi thường xuyên		7.432.050
1	Chi Quốc phòng	010	322.830
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	040	71.000
3	Chi sự nghiệp y tế dân số và gia đình	130	6.318
4	Chi văn hoá thông tin	160	125.000
5	Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	220	55.000
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	250	40.000
7	Chi hoạt động kinh tế	280	50.000
8	Chi quản lý nhà nước, Đảng đoàn thể	340	6.415.900
9	Chi đảm bảo xã hội	370	346.002
II	Chi xây dựng cơ bản		0
III	Chi dự phòng		149.000
	Tổng cộng		7.581.050

Bằng chữ: Bảy tỷ, năm trăm tám mươi một triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân xã Quyết định phân bổ dự toán theo mục lục NSNN hiện hành, chỉ đạo các ban ngành, tổ chức cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện theo đúng dự toán được giao;

Trong quá trình điều hành Ngân sách xã, nếu có phát sinh, thay đổi. UBND xã trình thường trực HĐND xã để thực hiện và báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Thanh Phong thông qua tại kỳ họp thứ XI nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Nơi nhận:

- TT HĐND huyện , UBND huyện;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBMTTQ xã ;
- Các đại biểu HĐND Huyện bầu tại Thanh Phong;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Các ban ngành đoàn thể cấp xã;
- Kho bạc NN huyện Thanh Chương;
- Lưu: VP.

CHỦ TỊCH

Phan Mạnh Hùng

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2025

ĐVT: 1000 đồng

TT	Nội dung	Thu NS xã hưởng	Ghi chú
*	TỔNG SỐ THU NGÂN SÁCH (I + II)	7 581 050	
I	Thu ngân sách trên địa bàn	149 320	
1	Phí lệ phí	14 400	
2	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	45 000	
3	Thu khác	2 000	
4	Thu cố định	23 000	
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6 320	
6	Thuế giá trị gia tăng	16 800	
7	Thuế thu nhập cá nhân	8 400	
8	Thuế môn bài	3 300	
9	Lệ phí trước bạ	30 100	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	7 431 730	
1	Thu trợ cấp ngân sách cấp trên	7 431 730	

Bằng chữ: Bảy tỷ, năm trăm tám mươi một triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng
Thanh Phong, ngày 17 tháng 12 năm 2024

NGƯỜI LẬP

(ký, họ tên)

Nguyễn Thị Hương

CHỦ TỊCH UBND XÃ

(Ký tên, đóng dấu)



Trịnh Xuân Thị

1	100
2	200
3	300
4	400
5	500
6	600
7	700
8	800
9	900
10	1000
11	1100
12	1200
13	1300
14	1400
15	1500
16	1600
17	1700
18	1800
19	1900
20	2000
21	2100
22	2200
23	2300
24	2400
25	2500
26	2600
27	2700
28	2800
29	2900
30	3000
31	3100
32	3200
33	3300
34	3400
35	3500
36	3600
37	3700
38	3800
39	3900
40	4000
41	4100
42	4200
43	4300
44	4400
45	4500
46	4600
47	4700
48	4800
49	4900
50	5000
51	5100
52	5200
53	5300
54	5400
55	5500
56	5600
57	5700
58	5800
59	5900
60	6000
61	6100
62	6200
63	6300
64	6400
65	6500
66	6600
67	6700
68	6800
69	6900
70	7000
71	7100
72	7200
73	7300
74	7400
75	7500
76	7600
77	7700
78	7800
79	7900
80	8000
81	8100
82	8200
83	8300
84	8400
85	8500
86	8600
87	8700
88	8800
89	8900
90	9000
91	9100
92	9200
93	9300
94	9400
95	9500
96	9600
97	9700
98	9800
99	9900
100	10000



PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

ĐVT: 1000 đồng

TT	Nội dung chi	Xã phân bổ dự toán	Ghi chú
I	Chi lương và các khoản có tính chất lương	5 373 730	
1	Chi lương hưu xã	216 320	
2	Chi lương cán bộ xã	2 990 220	
3	Chi phụ cấp cán bộ bán chuyên trách xã	547 560	
4	Chi phụ cấp không chuyên trách xóm (gồm bí thư, xóm trưởng, trưởng ban CTMT)	968 760	
5	Chi phụ cấp thôn đội trưởng	143 210	
6	Chi phụ cấp DQTV (Theo luật, ND 72/2020/ND - CP) bao gồm: Phụ cấp trách nhiệm cho các chức danh DQTV; phụ cấp thâm niên cho chỉ huy phó; phụ cấp đặc thù Quốc phòng cho chỉ huy phó và trung đội trưởng dân quân cơ động	79 620	
7	Chi phụ cấp ủy viên thường vụ	56 160	
8	Phụ cấp cộng tác viên chăm sóc trẻ em	19 656	
9	Chi phụ cấp trưởng các đoàn thể xóm và chi hội trưởng hội người cao tuổi	289 224	
10	Kinh phí tổ dân vận xóm, khối, bản. Theo NQ 21/2023/NQ- HĐND, ngày 7/12/2023	15 000	
11	Hỗ trợ các hội		
	Hội khuyến học	48 000	
	Hội nạn nhân chất độc da cam	12 000	
	Hội Thanh niên xung phong	12 000	
	Hội khuyết tật	12 000	
II	Sự nghiệp kinh tế	50 000	
III	Sự nghiệp môi trường	40 000	
IV	Hội đồng nhân dân	315 312	
1	Chi phụ cấp đại biểu HĐND	198 432	
2	KP khoán tiếp xúc cử tri cho đại biểu HĐND xã	4 600	
3	KP chăm sóc sức khỏe cho đại biểu HĐND	7 200	
4	BHYT cho đại biểu không hưởng lương	5 080	
5	Chi hoạt động HĐND xã	100 000	
V	Chi hoạt động đảng	303 360	
1	Phụ cấp cấp ủy	126 360	
2	Chi hoạt động Đảng	177 000	



1
[Signature]

TT	Nội dung chi	Xã phân bổ dự toán	Ghi chú
VI	Chi hoạt động AN- QP	171 000	
1	Chi hoạt động an ninh	50 000	
2	Chi bồi dưỡng tổ an ninh trật tự (3 triệu đồng/tổ/xóm)	21 000	
3	Chi hoạt động Quốc phòng (Huấn luyện và hoạt động)	100 000	
VII	Sự nghiệp giáo dục	41 000	
VIII	Chi văn hóa TT & TDTT	180 000	
1	Chi hoạt động văn hoá TT và TDTT	87 000	
-	Chi hoạt động văn hóa thông tin	17 000	
-	Chi hoạt động văn hóa thể thao	15 000	
	Chi đại hội thể dục thể thao	25 000	
-	Chi trả nợ bản giao của anh thìn	30 000	
2	Kinh phí xây dựng quy ước, hương ước của địa phương	5 000	
3	Ban công tác mặt trận ở khu dân cư thực hiện cuộc vận động " Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh". Theo NQ số 07/2018/NQ-HĐND tỉnh, ngày 20/7/2018 (7 xóm x 5.000.000 đồng/ xóm)	35 000	
4	Chi ban chỉ đạo (xã) toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá	7 000	
5	Phòng chống bạo lực gia đình	5 000	
6	Cuộc vận động" Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng nông thôn mới đô thị văn minh"	20 000	
7	Sửa chữa đài truyền thanh	21 000	
IX	Đảm bảo xã hội	111 000	
1	Tiền quà các cụ lên tuổi chẵn 70,75,80,85,90,95,10 và trên 100 và đảm bảo XH khác	111 000	
X	Kinh phí phòng chống dịch	20 000	
XI	Chi quản lý nhà nước, và chi mặt trận các đoàn thể chính trị	781 648	
1	Tiền điện sáng cơ quan	60 000	
2	Hợp đồng lao động thường xuyên (Bảo vệ cơ quan, bưu chính) (1 tháng =3,500,000 đồng *12 tháng)	42 000	
3	Kiểm soát thủ tục hành chính : 330.00 đồng/ tháng	3 960	
4	Chi tiếp công dân giải quyết khiếu nại tố cáo	3 840	
5	Chi tiền 1 cửa	16 800	

TT	Nội dung chi Page 3	Xã phân bổ dự toán	Ghi chú
6	Chi mua đồng phục 1 cửa	6 000	
7	Chi thù lao cho hoà giải viên (Đối với hoà giải viên trực tiếp tham gia vụ việc hoà giải thành theo điều 24 luật hoà giải cơ sở. Theo TT 56/2023/TT - BTC, ngày 18/8/2023 (400,000 đồng/vụ việc thành công)	6 000	
8	Chi hội nghị	41 068	
9	Chi mua ấn chỉ	5 000	
10	Chi sách báo	30 000	
11	Chi văn phòng phẩm	45 000	
12	Phô tô tài liệu	48 600	
13	Chi sửa chữa thường xuyên	50 000	
14	Chi tuyên truyền phổ biến pháp luật	15 000	
15	Chi tổng kết phong trào thi đua yêu nước (Tiền ăn, tiền thưởng, tiền khung, tiền giấy)	25 000	
16	Chi tiền sim mạng của các cụm loa truyền thanh	21 000	
17	Tiền mạng cổng thông tin điện tử	4 000	
18	Tiền internet tại phòng họp phụ vụ họp trực tuyến	11 880	
19	Chi tiền mạng in ta nét nội bộ phòng mặt trận	3 000	
20	Tiền internet tại các phòng làm việc	21 000	
21	Nâng cấp phần mềm mi sa và phần mềm quản lý tài sản	10 000	
22	Kinh phí hoạt động của ban thanh tra ND + giám sát cộng đồng	16 000	
23	Chi chăm sóc trẻ em, vui tết trung thu (Mỗi cháu 2000 đồng và mỗi xóm 100,000 đ/cổ và 21 suất cho các em có hoàn cảnh khó khăn 300,000đ/em)	15 000	
24	Chi khánh tiết mừng lão	15 000	
25	Giải toả an toàn giao thông	10 000	
26	Chi thăm hỏi ốm đau qua đời	17 000	
27	Chi tiếp khách	20 000	
28	Kỷ niệm các ngày lễ (8/3, 20/10, 19/11)	10 000	
29	Chi quà kỷ niệm ngày thành lập các ngành: (Ban đảng, 5 đoàn thể, cao tuổi, Công an, quân sự, cán bộ công chức và hoa)	12 000	
30	Chi hỗ trợ 3 trường làm phổ cập	9 000	
31	Chi tiền mua nước lọc các phòng ban	7 000	
36	Chi trả nợ mua máy tính Phụ nữ, VP thống kê năm 2024	27 000	

TT	Nội dung chi	Xã phân bổ dự toán	Ghi chú
37	Chi hỗ trợ hội cựu giáo chức đại hội nhiệm kỳ 2025 - 2030	5 000	
38	Chi bầu xóm trưởng nhiệm kỳ 2025 - 2027	7 000	
39	Chi hỗ trợ cho các thành viên tham gia hiến máu nhân đạo	6 000	
40	Đại hội phong trào thi đua yêu nước trong đồng bào giáo dân	15 000	
41	Hỗ trợ hội người cao tuổi hoạt động,	3 000	
42	Chi hỗ trợ hội phụ nữ tổ chức năm chận	2 500	
43	Vì sự tiến bộ phụ nữ	1 500	
44	Chi hỗ trợ hội làm vườn	1 500	
45	Chi hỗ trợ hội cựu giáo chức	1 500	
46	Chi hỗ trợ hội thành cổ quảng trị	1 500	
47	Chi hoạt động UBMTTQ	25 000	
48	Chi hoạt động Đoàn thanh niên	17 500	
49	Chi hoạt động hội phụ nữ	17 500	
50	Chi hoạt động hội nông dân	17 500	
51	Chi hoạt động hội cựu chiến binh	17 500	
52	Kinh phí hỗ trợ cho giám sát, phản biện xã hội theo quy định tại NQ số 21/2017/NQ - HĐND, ngày 20/12/2017 (MTTQ, Đoàn, PN, ND, CCB)	15 000	
XII	Chi khác	45 000	
XIII	Chi xây dựng cơ bản		
XIV	Chi dự phòng	149 000	
	Tổng chi	7 581 050	

Bằng chữ: Bảy tỷ, năm trăm tám mươi một triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng

NGƯỜI LẬP

(ký, họ tên)



Nguyễn Thị Hương

Thanh Phong, ngày 17 tháng 12 năm 2024

CHỦ TỊCH UBND XÃ

(Ký tên, đóng dấu)



Trịnh Xuân Thị